

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 10 năm 2018

**ĐIỂM THI PHẦN III**  
**LỚP BỒI DƯỠNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN KHÓA 7, TẠI HUYỆN VÕ NHAİ**

| STT | Họ và tên           | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|----------|---------|
| 1   | Tạ Thị Ngọc Ánh     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 2   | Nguyễn Văn Ánh      | 7.0      | Bảy      |         |
| 3   | Ma Văn Bưởi         | 8.0      | Tám      |         |
| 4   | Nguyễn Văn Chí      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 5   | Nguyễn Xuân Chờ     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 6   | Nguyễn Thị Dịu      | 8.0      | Tám      |         |
| 7   | Hứa Quang Dũng      | 8.0      | Tám      |         |
| 8   | Vũ Thị Thùy Dương   | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 9   | Trần Hải Dương      | 7.0      | Bảy      |         |
| 10  | Lèng Hải Dương      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 11  | Nguyễn Thị Duyên    | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 12  | Lê Quốc Đạt         | 7.0      | Bảy      |         |
| 13  | Phan Sinh Điệp      | 8.0      | Tám      |         |
| 14  | Vương Minh Đông     | 7.0      | Bảy      |         |
| 15  | Lê Thị Gấm          | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 16  | Lê Thị Hương Giang  | 8.0      | Tám      |         |
| 17  | Lý Văn Giáp         | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 18  | Ma Văn Giáp         | 8.5      | Tám rưỡi |         |
| 19  | Lộc Văn Hải         | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 20  | Lê Thị Hảo          | 8.0      | Tám      |         |
| 21  | Hoàng Đức Hảo       | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 22  | Đinh Thị Phương Hoa | 8.0      | Tám      |         |
| 23  | Hà Văn Hòa          | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 24  | Phạm Văn Học        | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 25  | Nguyễn Thị Hồng     | 8.0      | Tám      |         |



| STT | Họ và tên               | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------|----------|---------|
| 26  | Long Thị Thanh Huệ      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 27  | Triệu Văn Hùng          | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 28  | Hoàng Việt Hùng         | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 29  | Phạm Ngọc Hùng          | 8.0      | Tám      |         |
| 30  | Trần Quang Hưng         | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 31  | Luân Thị Hương          | 8.0      | Tám      |         |
| 32  | Hoàng Thu Huyền         | 8.5      | Tám rưỡi |         |
| 33  | Nguyễn Thị Thương Huyền | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 34  | Lại Thị Thanh Huyền     | 7.0      | Bảy      |         |
| 35  | Hoàng Phương Khâm       | 7.0      | Bảy      |         |
| 36  | Hoàng Thị Bích Khuyên   | 8.0      | Tám      |         |
| 37  | Nguyễn Thị Kiều         | 8.0      | Tám      |         |
| 38  | Đinh Thị Kiều           | 8.0      | Tám      |         |
| 39  | Lương Thị Kiều          | 8.0      | Tám      |         |
| 40  | Hà Thị Lan              | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 41  | Đỗ Thị Kiều Lê          | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 42  | Nguyễn Xuân Liên        | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 43  | Lê Thảo Linh            | 8.0      | Tám      |         |
| 44  | Nông Thị Linh           | 8.0      | Tám      |         |
| 45  | Lao Thị Loan            | 7.0      | Bảy      |         |
| 46  | Ong Khắc Luận           | 7.0      | Bảy      |         |
| 47  | Nguyễn Thị Hồng Minh    | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 48  | Trần Thị Nga            | 7.0      | Bảy      |         |
| 49  | Nguyễn Thị Ngân         | 8.0      | Tám      |         |
| 50  | Đặng Minh Ngọc          | 8.0      | Tám      |         |
| 51  | Hà Văn Nguyên           | 8.0      | Tám      |         |
| 52  | Lương Thành Nhơn        | 7.0      | Bảy      |         |
| 53  | Đỗ Thị Oanh             | 8.0      | Tám      |         |
| 54  | Hoàng Văn Quý           | 7.0      | Bảy      |         |
| 55  | Hoàng Đức Quyền         | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 56  | Mai Xuân Thái           | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 57  | Phạm Toàn Thắng         | 7.0      | Bảy      |         |

| STT | Họ và tên          | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|----------|---------|
| 58  | Lê Quyết Thắng     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 59  | Đặng Văn Thắng     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 60  | Nguyễn Văn Thành   | 7.0      | Bảy      |         |
| 61  | Triệu Thị Thời     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 62  | Nguyễn Thị Thơm    | 8.0      | Tám      |         |
| 63  | Lộc Văn Thuận      | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 64  | Hoàng Văn Thúc     | 7.0      | Bảy      |         |
| 65  | Hà Thị Thùy        | 8.0      | Tám      |         |
| 66  | Nguyễn Thị Thủy    | 8.5      | Tám rưỡi |         |
| 67  | Nguyễn Văn Tiến    | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 68  | Bùi Xuân Tín       | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 69  | Đặng Thanh Tĩnh    | 8.0      | Tám      |         |
| 70  | Nông Thị Hương Trà | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 71  | Nguyễn Thị Vân     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 72  | Trần Văn Vân       | 7.5      | Bảy rưỡi |         |
| 73  | Nguyễn Ngọc Vinh   | 7.0      | Bảy      |         |
| 74  | Nông Thị Vui       | 8.0      | Tám      |         |
| 75  | Hoàng Thị Xoan     | 7.5      | Bảy rưỡi |         |

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Phúc Ái

KHOA NN&PL



Nguyễn Thị Hồng Mây

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




Phạm Minh Chuyên